

Câu 1: Phân tích lượng giá trị hàng hoá và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hoá.

- Phân tích lượng giá trị hàng hóa:

- + Bản chất của giá trị hàng hóa là lao động trừu tượng kết tinh trong hàng hóa
- + Lượng giá trị hàng hóa là lượng lao động đã hao phí để tạo ra hàng hóa
- + Lượng lao động đã hao phí được tính bằng thời gian lao động

VD: thời gian để sản xuất 1m vải = 2h \rightarrow giá trị 1m vải = 2h

\Rightarrow Lượng giá trị hàng hóa không được đo bằng thời gian lao động cá biệt mà được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó

- Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa:

1. Năng suất lao động:

- ❖ Là năng lực sản xuất của người lao động
- ❖ Chỉ tiêu: số lượng sản phẩm trên 1 đơn vị thời gian, thời gian hao phí trên 1 đơn vị sản phẩm
- ❖ Các nhân tố ảnh hưởng đến NSLĐ:
 - Trình độ của người lao động
 - Trình độ tổ chức quản lí
 - Điều kiện tự nhiên
 - Trình độ KHKT

\Rightarrow NSLĐ tăng tỉ lệ nghịch với lượng giá trị hàng hóa (thời gian lao động xã hội cần thiết)

2. Cường độ lao động:

- Là mức độ khẩn trương, tích cực của lao động trong sản xuất
- Chỉ tiêu phản ánh: hao phí lao động trên 1 đơn vị thời gian
- Tăng cường độ lao động giống như kéo dài thời gian lao động

\Rightarrow Tăng cường độ lao động không ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

3. Mức độ phức tạp của lao động:

- Lao động đơn giản: là lao động không đòi hỏi có quá trình đào tạo 1 cách hệ thống, chuyên môn, chuyên sâu về chuyên môn
- Lao động phức tạp: là lao động phải được huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ

⇒ Trong cùng 1 đơn vị thời gian, lao động phức tạp tạo ra 1 lượng giá trị nhiều hơn so với lao động đơn giản

❖ Liên hệ:

- **Giải pháp làm giảm lượng giá trị hàng hóa?**

- Phải chú trọng đầu tư phát triển những ngành lao động tri thức, nâng cao năng suất lao động bằng cách áp dụng nhiều công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại
- Đầu tư đào tạo đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao, tiến tới xây dựng 1 nền kinh tế tri thức
- Đưa ra các biện pháp kích thích kinh tế
- Khuyến khích đầu tư các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao

⇒ Làm giảm lượng giá trị hàng hóa (thời gian lao động xã hội cần thiết) giúp các ngành phát triển, có nguồn lao động tri thức dồi dào hơn, tiến tới nền công nghiệp hóa hiện đại hóa

Câu 2: Trình bày bản chất và các chức năng của tiền.

- Bản chất: là 1 loại hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung, thể hiện mối quan hệ giữa người sản xuất và hàng hóa
- Các chức năng:
 1. Thước đo giá trị: tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa
 2. Phương tiện thanh toán: tiền dùng để trả nợ, trả tiền mua hàng hóa
 3. Phương tiện cất trữ: tiền rút ra khỏi quá trình lưu thông để đi vào cất trữ
 4. Phương tiện lưu thông: tiền dùng làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hóa
 5. Tiền tệ thế giới: tiền vượt khỏi biên giới quốc gia để thực hiện chức năng mua bán trao đổi

❖ Liên hệ:

1. Ý nghĩa của tiền tệ trong thực tiễn, vận dụng ntn từ chức năng của tiền tệ?

- + Tiền tệ là biểu tượng thể hiện sức mạnh nền kinh tế của 1 quốc gia
- + Tiền tệ giúp ổn định nền kinh tế và là thước đo xem 1 đất nước có phát triển bền vững hay không

- + Tiền tệ là phương tiện không thể thiếu để mở rộng và phát triển nền kinh tế hàng hóa
 - + Tiền tệ là công cụ để phục vụ cho mục đích của người sử dụng, mang đến chất lượng cuộc sống ổn định
 - + Tiền đóng vai trò chính trong lĩnh vực giáo dục y tế đáp ứng nhu cầu con người
 - + Tiền tệ là phương tiện thực hiện mở rộng các quan hệ quốc tế
 - + Tiền là phương tiện trung gian để trao đổi và buôn bán hàng hóa: có thể sử dụng 1 loại tiền tệ để mua bất kỳ sản phẩm nào, hàng hóa nào trên thế giới, nếu đồng tiền của quốc gia không thể giao dịch thì có thể quy đổi ra các loại tiền tệ thông dụng: USD, EURO để sử dụng
 - + Tiền là phương tiện lưu trữ tuy nhiên chỉ có 1 số tiền tệ lớn như USD, EURO, yên nhật mới được các quốc gia trên thế giới lưu trữ để sử dụng khi cần hoặc khan hiếm ngoại tệ
- ⇒ Giá trị tiền tệ có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tăng hay giảm của kinh tế toàn cầu
- ⇒ Giá trị tiền tệ bị mất giá sẽ dẫn đến nền kinh tế suy thoái, lạm phát tăng cao không thể kiểm soát được

2. Chính sách tiền tệ hiện nay ntn cho phù hợp với VN?

- + Ngân hàng nhà nước điều hành đồng bộ linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ kinh tế ứng phó với tác động bất lợi của các cú sốc
- + Điều hành chính sách tiền tệ phải chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng
- + Điều hành tăng trưởng tín dụng hợp lý gắn với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro

Câu 3: Phân tích lý luận của C.Mác về hàng hoá sức lao động.

- Khái niệm: Sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực tồn tại trong cơ thể con người và được con người vận dụng trong quá trình lao động sản xuất
- Lao động là sự vận động sức lao động trong quá trình sản xuất
 - ⇒ Lao động chỉ có ở con người
- Điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa:
 - + người lao động được tự do về thân thể
 - + người lao động không có đủ các tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình tạo ra hàng hóa để bán, cho nên họ phải bán sức lao động lao động
- Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động:
 - Giá trị hàng hóa sức lao động:
 - + Do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất quyết định
 - + Được đo gián tiếp bằng lượng giá trị của các tư liệu sinh hoạt để tái sản xuất ra sức lao động
 - + Cơ cấu lượng giá trị hh sức lao động: giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động; chi phí đào tạo người lao động; giá trị những tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi con người lao động
 - ⇒ Điểm đặc biệt: bao hàm yếu tố tinh thần và lịch sử
 - Giá trị sử dụng của hàng hóa:
 - + Là công cụ sức lao động nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của người mua
 - ⇒ Sản xuất ra sản phẩm
 - + Tạo ra 1 lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó
 - ⇒ Giá trị thặng dư
 - ❖ Liên hệ:

1. Giải pháp làm tăng nguồn nhân lực:

- + Tập trung xây dựng và hoàn thiện chiến lược tổng thể, hệ thống cơ chế, chính sách và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao
- + Gắn kết chặt chẽ giữa quá trình đào tạo với bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao
- + Tận dụng hiệu quả cơ hội, nỗ lực đổi mới hệ thống giáo dục VN
- ⇒ Được xem là 1 trong 3 khâu đột phá của chiến lược chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội, trở thành nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của VN trong hội nhập quốc tế

2. Đất nước, bản thân người lao động cần làm gì để nâng cao lao động?

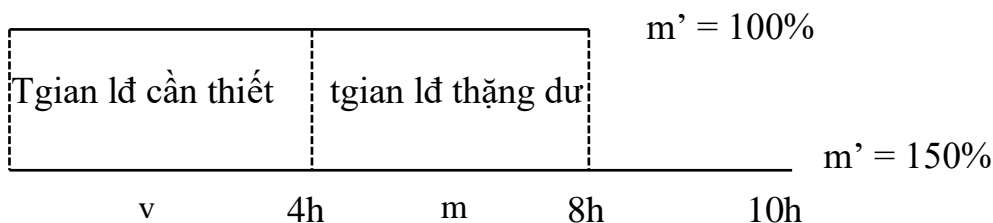
- + Nâng cao trình độ công nghệ sản xuất
- + Nâng cao trình độ người lao động cả về học vấn và kĩ năng
- + Đầu tư nghiên cứu khoa học
- + Nâng cao hiệu lực quản lí nhà nước, công khai minh bạch
- + Nhà nước cần xác định mô hình sản xuất phù hợp
- + Quan tâm thị trường sản phẩm cả trong và ngoài nước
- + Khuyến khích lao động tự học
- + Mở rộng hợp tác quốc tế
- + Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm

Câu 4: Trình bày khái niệm giá trị thặng dư, các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.

- Khái niệm GTTD: giá trị thặng dư là bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân tạo ra là kết quả của lao động không công của người công nhân ch nhà tư bản. Kí hiệu: m
- Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư:

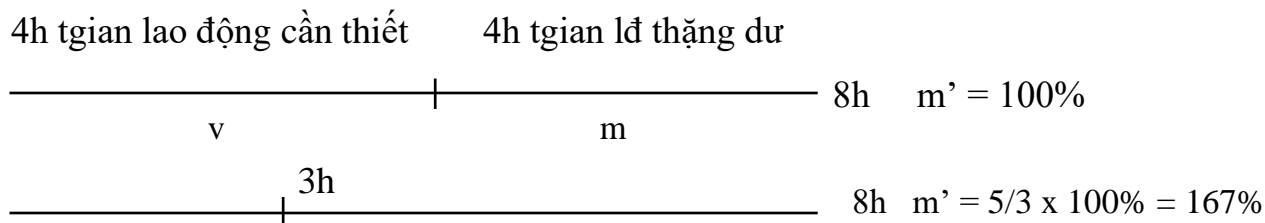
1. Sản xuất gttd tuyệt đối:

- + Là giá trị thặng dư thu được bằng cách kéo dài thời gian lao động vượt quá thời gian lao động tất yếu trong điều kiện năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian lao động không thay đổi



2. Sản xuất gttd tương đối

- + Là giá trị thặng dư thu được bằng cách rút ngắn thời gian lao động cần thiết trong điều kiện thời gian ngày lao động không đổi thậm chí được rút ngắn



+ Biện pháp: để rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết (v) phải giảm giá trị tư liệu sinh hoạt bằng cách tăng năng suất lao động xã hội

3. Sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch

+ Là phần giá trị thặng dư của từng nhà tư bản cá biệt thu được nhờ hạ thấp giá trị cá biệt của hàng hóa so với giá trị xã hội

$GTTD \text{ siêu ngạch} = \text{Giá trị XH} - \text{giá trị cá biệt}$

+ Biện pháp: tăng năng suất lao động cá biệt

• Liên hệ:

1. Ý nghĩa của GTTD với thực tiễn?

+ GTTD là nguồn cấu thành động lực để tăng trưởng và phát triển kinh tế, nhất là đối với nền sản xuất xã hội

+ Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối và gtttd siêu ngạch có thể vận dụng trong các doanh nghiệp ở nước ta nhằm kích thích sản xuất, tăng năng suất lao động, sử dụng kĩ thuật mới, cải tiến tổ chức quản lí, tiết kiệm chi phí sản xuất

+ Sản xuất gtttd gợi mở cho các nhà hoạch định chính sách phương thức làm tăng của cải, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

+ GTTD là mục đích sản xuất tư bản chủ nghĩa, là biểu hiện lợi nhuận của doanh nghiệp, lợi tức cho vay và địa tô tư bản chủ nghĩa

2. Giải pháp làm tăng GTTD?

+ Áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến

+ Sử dụng tri thức, trí tuệ vào quá trình sản xuất

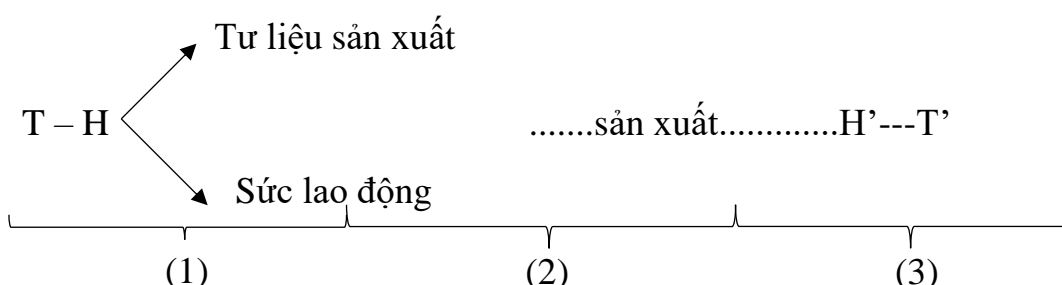
+ Nâng cấp các trang thiết bị hiện đại

+ Đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao

+ Tiến hành hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài tạo điều kiện để có được những công nghệ tiên tiến để phát triển sản xuất

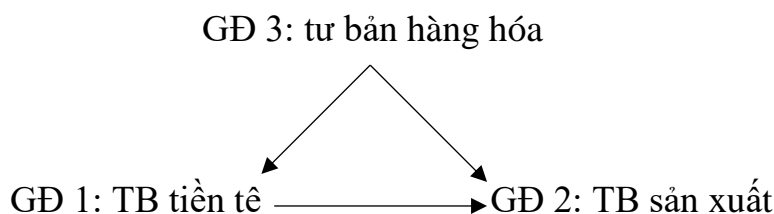
+ Nâng cao chất lượng dạy và học, giảm dần khoảng cách giữa lí thuyết và thực tiễn

Câu 5: Tuần hoàn, chu chuyển của tư bản?



Lưu thông	Sản xuất	Lưu thông
+ Giai đoạn mua	+ Giai đoạn mua	+ Giai đoạn bán
+ Hình thức: tư bản tiền tệ	+ Hình thức: tư bản sản xuất	+ Hình thức: tư bản hàng hóa
+ chức năng: mua tư liệu sản xuất và sức lao động	+ chức năng: sản xuất hàng hóa	+ chức năng: thực hiện giá trị sx, giá trị thặng dư

- Tuần hoàn tư bản là sự vận động của tư bản luôn luôn trải qua 3 giai đoạn, dưới ba hình thái kế tiếp nhau, thực hiện 3 chức năng là quay trở về ban đầu cùng với giá trị thặng dư



- Chu chuyển tư bản là tuần hoàn tư bản được thường xuyên lặp đi lặp lại và đổi mới theo tgian
 - ⇒ Phản ánh tốc độ nhanh chậm của tư bản
- Chỉ tiêu phản ánh chu chuyển tư bản cơ bản:
 - + Tgian chu chuyển tư bản: là tgian tính từ khi tư bản ứng với dưới 1 hình thái nhất định chỉ đến khi thu về cũng dưới hình thái ấy có kèm theo giá trị thặng dư

- Liên hệ:

1. Giải pháp, chính sách làm tốc độ chu chuyển nhanh hơn?

- + Muốn nâng cao tốc độ chu chuyển tư bản phải rút ngắn tgian sản xuất và tgian lưu thông
- + Nâng cao năng suất lao động → rút ngắn tgian lao động
- + Áp dụng khoa học kỹ thuật → rút ngắn tgian gián đoạn lao động
- + Giảm dự trữ sản xuất → rút ngắn tgian dự trữ sản xuất
- + Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng → rút ngắn tgian chu chuyển

+ Khấu hao nhanh tư bản cố định → rút ngắn tgian chu chuyển

⇒ Tác dụng:

+ Tiết kiệm chi phí bảo quản, sửa chữa tài sản cố định, hao mòn máy móc

+ Tiết kiệm tư bản ứng trước: Khi quy mô sản xuất như cũ hoặc có thể mở rộng sản xuất mà không cần phải có tư bản phụ thêm

+ Làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư và khối lượng giá trị thặng dư hàng năm

2. Tăng tốc độ chu chuyển có ý nghĩa gì với VN?

a. Rút ngắn tgian sản xuất:

+ Áp dụng khoa học kĩ thuật hiện đại → tăng năng suất lao động

+ Nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân để họ sản xuất ra sản phẩm nhanh hơn với chất lượng hơn

+ Cải thiện bộ máy tổ chức và quản lí lao động, làm việc có hiệu quả hơn tránh tình trạng chồng chéo

+ Có đãi ngộ xứng đáng với người lao động, khuyến khích tích cực và có trách nhiệm hơn trong lao động sản xuất

b. Rút ngắn tgian lưu thông:

+ Doanh nghiệp phải thường xuyên nghiên cứu thị trường, bắt kịp thị hiếu người tiêu dùng để từ đó quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất các mặt hàng của doanh nghiệp trên thị trường để đảm bảo các mặt hàng được tiêu thụ nhanh, hạn chế hàng tồn kho

+ Thường xuyên cải tiến mặt hàng làm phong phú các chủng loại, thỏa mãn tối đa lợi ích của người tiêu dùng → hàng hóa được tiêu thụ mạnh

+ Mở rộng quan hệ để liên doanh, liên kết mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, giúp sản phẩm lưu thông nhanh hơn

+ Xây dựng các nhà máy sản xuất gần thị trường để rút ngắn tgian lưu thông hàng hóa

Câu 6: Nêu thực chất của tích lũy tư bản và một số hệ quả của tích lũy tư bản.

1. Thực chất của tích lũy tư bản:

- Tái sản xuất và phân loại tái sản xuất:

+ Tái sản xuất là quá trình sản xuất lặp lại thường xuyên và phục hồi không ngừng

+ Phạm vi: tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội

+ Quy mô:

- Tái sản xuất giản đơn: là quá trình sản xuất lặp lại với quy mô như cũ → tiêu dùng hết m cho cá nhân
- Tái sản xuất mở rộng: là quá trình sản xuất lặp lại với quy mô lớn hơn → m1: tiêu dùng cá nhân (100m), m2: tích lũy để mở rộng sản xuất
- Tích lũy tư bản là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư, tức là biến 1 phần gttđ thành tư bản phụ thêm để mở rộng quy mô sản xuất
- Nguồn gốc của tư bản tích lũy tư bản là giá trị thặng dư
- Động cơ của tích lũy tư bản:
 - + sản xuất ngày càng nhiều giá trị thặng dư
 - + để chiến thắng cạnh tranh

2. Hệ quả:

- a. Tích lũy tư bản làm tăng cấu tạo hữu cơ của tư bản
 - Về mặt hiện vật: cấu tạo kỹ thuật của tư bản là tỉ lệ giữa số lượng tư liệu sản xuất và số lượng cần để sử dụng tư liệu sản xuất
 - ⇒ Phản ánh trình độ phát triển của kỹ thuật (TLSX/SLĐ)
 - Về mặt giá trị: cấu tạo giá trị của tư bản là tỉ lệ giữa tỉ lệ của tư bản bất biến và tư bản khả biến (Giá trị TBBB / giá trị TBKB)
 - Cấu tạo hữu cơ của tư bản (c/v) là cấu tạo được quy định bởi cấu tạo kỹ thuật và sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật của tư bản
 - ⇒ Cấu tạo kỹ thuật được quy định bởi cấu tạo giá trị
 - ⇒ Cấu tạo giá trị phản ánh cấu tạo kỹ thuật
- b. Tích tụ tư bản và tập trung tư bản
 - Tích tụ tư bản là sự tăng thêm về quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa giá trị thặng dư, nó là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản
 - ⇒ Tích lũy tư bản là quy mô của tư bản xã hội
 - Tập trung tư bản: là sự tăng thêm quy mô của tư bản cá biệt bằng cách hợp nhất những tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội thành 1 tư bản khác lớn hơn
 - + Nguồn gốc: TB cá biệt có sẵn trong xã hội
 - + Động cơ: do cạnh tranh, do hoạt động tín dụng
- c. Chênh lệch giàu – nghèo trong xã hội

- Liên hệ:

A. Ý nghĩa của tích lũy tư bản đối với kinh tế?

- Tích lũy tư bản là sự đòi hỏi khách quan ở bất cứ giai đoạn phát triển nào ở bất cứ quốc gia nào trên thế giới
- Không có tích lũy và huy động nguồn lực tư bản cho quốc gia thì nền kinh tế xã hội sẽ không phát triển mạnh mẽ và cường thịnh được
- Tích lũy là điều kiện tiên quyết để tái sản xuất mở rộng
- Có tích lũy mới có thể làm cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển
- Tích lũy nguồn vốn để phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình nền tảng và cải tiến kỹ thuật

B. Giải pháp làm tăng quá trình tích lũy tư bản, tăng quy mô vốn, tái sản xuất?

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ tích lũy – tiêu dùng
- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn
- Tăng cường tích lũy vốn trong nước và có biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài
- Đề ra hệ thống giải pháp huy động vốn phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế xã hội của đất nước
- Thống nhất chủ trương nhà nước đa dạng hóa các nguồn vốn nhằm huy động sự đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực của các tổ chức kinh tế xã hội, của các tầng lớp nhân dân và của toàn xã hội cho đầu tư phát triển, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa

Câu 7: Thế nào là lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận? Phân biệt lợi nhuận với giá trị thặng dư và tỷ suất lợi nhuận với tỷ suất giá trị thặng dư.

- Lợi nhuận (p) là giá trị thặng dư khi được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước
 - Bản chất: là hình thái chuyển hóa của giá trị thặng dư qua lưu thông
 \Rightarrow Chỉ được gọi là lợi nhuận khi hàng hóa được đem bán
 - Vai trò: là mục tiêu, động cơ của sản xuất kinh doanh
 - Ý nghĩa: phản ánh quy mô của hiệu quả kinh doanh
- Tỷ suất lợi nhuận (p') là tỉ lệ tính theo % giữa lợi nhuận và thành phần giá trị của tư bản ứng trước

$$P' = P/k.100\%$$

⇒ Phản ánh mức doanh lợi đầu tư của tư bản (mức độ hiệu quả đầu tư)

c. So sánh lợi nhuận và giá trị thặng dư

Tiêu chí	p	m
Về chất	Phản ánh kết quả kinh doanh của tư bản ứng trước ($c+v \rightarrow p$)	Phản ánh kết quả bóc lột lao động không công của công nhân ($v \rightarrow m$)
Về lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cả > giá trị $\rightarrow p > m$ - Chi phí sản xuất < giá cả < giá trị $\rightarrow p < m$ - Giá cả = giá trị $\rightarrow p = m$ - Giá cả = chi phí $\rightarrow p = 0$ - Giá cả < chi phí \rightarrow thua lỗ 	

d. So sánh tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất giá trị thặng dư

Tiêu chí	p'	m'
Về chất	Phản ánh mức doanh lợi đầu tư của tư bản (mức độ hiệu quả đầu tư)	Phản ánh trình độ khai thác sức lao động làm thuê Phản ánh năng suất lao động
Về lượng	Tỷ suất giá trị thặng dư tỉ lệ thuận với tỷ suất lợi nhuận	

- Liên hệ:

1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lợi nhuận đối với nền kinh tế?

- Lợi nhuận là thước đo tốt nhất, là chỉ tiêu nhạy cảm nhất để đánh giá kinh doanh của doanh nghiệp
- Đối với những đường lối chính sách phát triển kinh tế thì lợi nhuận là 1 vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng

- Kinh tế phát triển được trước hết là quá trình sản xuất kinh doanh thu được lợi nhuận cũng chính là mục tiêu để các nhà thu hoạch định hướng đường lối phát triển kinh tế
- Trong chiến lược phát triển kinh tế thì lợi nhuận được coi là vấn đề then chốt, sống còn đối với những người định ra chính sách phát triển kinh tế
- Trong sản xuất kinh doanh thì lợi nhuận là sự sống còn của 1 doanh nghiệp

2. Doanh nghiệp cần làm gì để tăng lợi nhuận và thu hút lợi nhuận?

- Thu hút những khách hàng tiềm năng: là những người có nhu cầu tiềm năng về dịch vụ hoặc sản phẩm doanh nghiệp tạo ra
- Nâng cao tỉ lệ chuyển đổi số lượng khách hàng tiềm năng thành khách hàng trả tiền. Nếu khách hàng chỉ ở dạng tiềm năng mà không trở thành dạng trả tiền thì không thu được lợi nhuận
- Cung cấp đủ dịch vụ để tăng giá trị đơn hàng trung bình của khách hàng → tổng doanh số tăng cao
- Nâng cao chất lượng sản phẩm → tăng số lần mua lại của khách hàng → tăng lợi nhuận
- Nâng cao tỉ suất lợi nhuận → tăng lợi nhuận
- Tổ chức cơ cấu các loại mặt hàng kinh doanh hợp lí
- Có chiến lược kinh doanh rõ ràng, có chính sách kinh doanh phù hợp kết hợp tạo phương thức thanh toán nhanh.

Câu 8: Trình bày 3 đặc điểm kinh tế đầu tiên của độc quyền trong CNTB.

a. Tập trung sản xuất và tổ chức độc quyền

- Đây là đặc điểm kinh tế quan trọng nhất của độc quyền
- Tích tụ, tập trung sản xuất dẫn đến độc quyền vì:
+ 1 mặt hình thành số ít xí nghiệp lớn nên sự thỏa thuận để đi đến độc quyền dễ dàng hơn

+ Mặt khác các xí nghiệp lớn kỹ thuật cao nên cạnh tranh ngày càng gay gắt dẫn đến khuynh hướng thỏa hiệp để đi đến độc quyền

- Tổ chức độc quyền là liên minh giữa các nhà tư bản lớn, tập trung vào trong tay phần lớn việc sản xuất và tiêu thụ 1 số loại hàng hóa nào đó nhằm mục đích thu được lợi nhuận độc quyền cao

- Các hình thức tổ chức độc quyền:

+ Carte: các xí nghiệp tư bản thành viên ký kết với nhau các hiệp định để thỏa thuận với nhau về giá cả, thị trường tiêu thụ, kì hạn thanh toán....

⇒ Độc lập trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa

+ Syndicate: việc lưu thông hàng hóa do 1 ban quản trị đảm nhận độc lập trong sản xuất

+ Trust: là hình thức tổ chức độc quyền mà các nhà tư bản thống nhất cả sản xuất và tiêu thụ hàng hóa, các tư bản tham gia trở thành cổ đông

+ Consortum: hình thức liên kết dọc của các xí nghiệp độc quyền ở các ngành khác nhau, có sự liên quan về kinh tế - kỹ thuật

b. Sức mạnh của các tổ chức độc quyền do tư bản tài chính và hệ thống tài phiệt chi phối

- Tư bản tài chính là kết quả của sự hợp nhất (dung hợp) giữa độc quyền ngân hàng và độc quyền công nghiệp

- Hệ thống tài phiệt là 1 nhóm nhỏ những tư bản tài chính giàu có nhất chi phối mọi hoạt động về kinh tế, chính trị, xã hội của các nước tư bản

- Hoạt động của tư bản tài chính:

+ Về kinh tế: chi phối các hoạt động kinh tế thông qua chế độ tham dự, ngoài ra tư bản tài chính còn mở rộng sản xuất bằng cách lập ra các công ty, đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản

+ Về chính trị: chi phối sự hoạt động của các cơ quan nhà nước qua chế độ ủy quyền

c. Xuất khẩu tư bản trở thành phổ biến

- Xuất khẩu hàng hóa mục đích thực hiện giá trị
- Xuất khẩu tư bản là xuất khẩu giá trị mới ra nước ngoài (đầu tư tư bản ra nước ngoài) nhằm mục đích chiếm đoạt giá trị thặng dư (m) và các nguồn lợi khác của nước nhập khẩu tư bản
- Xuất khẩu tư bản là tất yếu khách quan vì 1 mặt các nước tư bản lớn có lượng tư bản thừa tương đối mà đầu tư trong nước không đem lại hiệu quả nên đầu tư tư bản ra nước ngoài, mặt khác các nước đang phát triển cần vốn để mở rộng sản xuất mà nguồn nhân lực dồi dào giá rẻ tài nguyên thiên nhiên phong phú nên thu hút đầu tư tư bản
- Các hình thức xuất khẩu tư bản:

+ Căn cứ vào hình thức đầu tư gồm: đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp

Đầu tư trực tiếp	Đầu tư gián tiếp
Xuất khẩu tư bản để xây dựng 1 xí nghiệp mới đang hoạt động ở nước nhận đầu tư và biến nó thành 1 chi nhánh của công ty mẹ ở chính quốc	Xuất khẩu tư bản dưới dạng cho vay thu lãi

+ Căn cứ vào hình thức sở hữu tư bản gồm:

Xuất khẩu tư, bản tư nhân	Xuất khẩu tư bản nhà nước
Do tư nhân thực hiện, thường đầu tư vào các ngành có vòng quay tư bản ngắn lợi nhuận cao	Do nhà nước thực hiện để thực hiện các mục tiêu về kinh tế - chính trị, quân sự và thường đầu tư vào các ngành kết cấu hạ tầng để tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư tư nhân

❖ Liên hệ:

1. Giải pháp hạn chế độc quyền?

- Tiếp tục đổi mới nhận thức cạnh tranh, phải thống nhất quan điểm đánh giá vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.
- Phải coi cạnh tranh trong nền kinh tế pháp luật hợp thức là động lực của sự phát triển và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Xác định 1 cách rõ ràng và hợp lí vai trò của nhà nước cũng như vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế, hạn chế bớt những doanh nghiệp nhà nước độc quyền kinh doanh
- Thúc đẩy quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước đẩy nhanh quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước
- Cải tổ pháp luật về cạnh tranh để cho cơ chế cạnh tranh được vận hành đồng thời với việc hạn chế những hành vi cạnh tranh không lành mạnh
- Tổ chức lại cơ cấu và kiểm soát độc quyền kể cả độc quyền tự nhiên
- Ban hành luật pháp và chính sách chống độc quyền, biện pháp chủ yếu đấu tranh với các nguy cơ xuất hiện hành vi độc quyền thì trường là sử dụng các chính sách độc quyền
- Xây dựng 1 cơ quan chuyên trách với mục đích theo dõi, giám sát các hành vi liên quan đến cạnh tranh và độc quyền

2. Độc quyền có tác động gì đối với kinh tế?

- Tích cực:
 - + Đảm bảo sản phẩm hoặc hàng hóa được sản xuất ra kiên định và không bị đứt quãng hoặc sản phẩm hàng hóa muốn sản xuất được cần có khoản đầu tư rất lớn
 - + Mang lại tính thúc đẩy cho doanh nghiệp, nó được coi là chìa khóa để phát triển dù ở phương diện nào thì thay đổi để tốt hơn luôn phù hợp với mọi thời điểm
 - + Thúc đẩy sự sáng tạo
 - + Có tiềm lực tạo ra cơ hội nghiên cứu và phát triển
- Tiêu cực:
 - + Vừa có thể tăng giá vừa có thể cung cấp sản phẩm kém hơn
 - + Khiến mọi doanh nghiệp mất động lực để đổi mới hoặc cung cấp các sản phẩm mới và cải tiến
 - + Tạo ra lạm phát
 - + Doanh nghiệp có thể bán sản phẩm với giá cao mà không cần quan tâm lượng cầu của người tiêu dùng

Câu 9: Trình bày đặc trưng của mô hình KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

a. Về mục tiêu:

- Hướng tới phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

b. Về quan hệ sở hữu và các thành phần kinh tế:

- Nền kinh tế có nhiều thành phần, với nhiều hình thức sở hữu. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh với nhau trên cơ sở pháp luật của nhà nước, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

c. Về quan hệ quản lí nền kinh tế:

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự quản lý và điều tiết nền kinh tế của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy, sự quản lý của nhà nước trong nền kinh tế thị trường phải định hướng cho nền kinh tế phát triển có hiệu quả trên cơ sở đảm bảo lợi ích quốc gia, lợi ích của nhân dân lao động thông qua hệ thống pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

d. Về quan hệ phân phối:

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu; đồng thời có các hình thức phân phối khác nữa (phân phối theo vốn, theo tài năng cùng các nguồn lực khác đóng góp vào sản xuất kinh doanh), vừa khuyến khích lao động, vừa bảo đảm phúc lợi xã hội cơ bản, bảo đảm sự phân phối công bằng, hợp lý và hạn chế sự bất bình đẳng trong xã hội.

e. Về quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội:

- Không thực hiện tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, mà ngoài mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế còn phải đảm bảo tính công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội.

❖ Liên hệ:

1. Giải pháp để phát triển kinh tế thị trường?

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần
- Mở rộng phân công lao động xã hội, tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa
- Giữ vững ổn định chính trị, hoàn thiện hệ thống luật pháp, đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống điều tiết kinh tế vĩ mô, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lí kinh tế và các nhà kinh doanh giỏi
- Thực hiện chính sách đối ngoại có lợi cho phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN

2. Giải pháp phát triển 1 thị trường nào đó (SLĐ, thị trường KHCN...)?

- Phát triển theo chiều rộng: thích hợp với những ngành nghề và lĩnh vực chưa có nhiều đối thủ cạnh tranh hoặc cạnh tranh nhưng chưa cao. Việc phát triển theo chiều rộng sẽ có nhiều vùng địa lí đối thủ chưa tìm đến, doanh nghiệp phát triển theo chiều rộng nhiều người sẽ biết đến, thị trường doanh nghiệp sẽ rộng lớn, tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng
- Phát triển theo chiều sâu:
 - + xúc tiến và mở rộng bán hàng với khách hàng hiện tại với sản phẩm cũ: công ti phải sử dụng nhiều chương trình khuyến mại, thay đổi bao bì sản phẩm, thay đổi cách thức bán hàng cũ, mở ra nhiều chương trình thu hút khách hàng
 - + Lựa chọn ngách thị trường tốt nhất trong thị trường hiện tại với sản phẩm cũ: doanh nghiệp cần nghiên cứu nhóm khách hàng, những khách hàng mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp tập trung chăm sóc lượng khách hàng này 1 cách tốt nhất
 - + Nghiên cứu lại sản phẩm mới cho thị trường cũ: bổ sung thêm 1 số tính chất mới tạo nên sự hấp dẫn cho sản phẩm, thu hút khách hàng nhiều hơn và đặc biệt là đáp ứng được khách hàng cũ

3. Giải pháp phát triển 1 thành phần kinh tế?

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, khai thác tối đa tiềm năng về nhân lực, vốn, công nghệ của các thành phần kinh tế tư nhân vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

- Quan tâm phát triển thành phần kinh tế cá thể, hộ gia đình (trang trại); thành phần kinh tế hợp tác xã ở vùng khó khăn
- Đi đôi với việc củng cố các hình thức kinh tế tập thể và quốc doanh cần khuyến khích phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân.
- Phát triển các hình thức kinh tế tập thể, chủ yếu là các nhóm hộ cùng sở thích, các tổ hợp tác và HTX đổi mới theo luật HTX.
- Khuyến khích liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế trong sản xuất - kinh doanh.
- Về cơ chế chính sách đối với các thành phần kinh tế:
 - + Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ bà con các dân tộc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất
 - + Có cơ chế khuyến khích, phát triển kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình trên cơ sở bảo đảm quyền tự do kinh doanh theo pháp luật, bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các chủ doanh nghiệp, các hộ kinh doanh.
 - + Đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức năng lực quản lý cho các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ về pháp luật, quản lý cũng như các kiến thức cơ bản về công nghệ, thông tin và thị trường.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân đối với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần trong nền kinh tế thị trường.

4. Giải pháp hoàn thiện thể chế nước ta?

- Tiếp tục đổi mới tư duy và nhận thức về thể chế KTTT và phát triển nền KTTT định hướng XHCN; đồng thời tiếp tục nghiên cứu để làm rõ nội dung mô hình kinh tế tổng quát về phát triển nền KTTT định hướng XHCN
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp.
- Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; đẩy mạnh cơ cấu lại thị trường tài chính
- Hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội trong từng chương trình, dự án; trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện thể chế phát triển kinh tế vùng và liên kết vùng, quy hoạch và phân công, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương
- Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội

Câu 10: Phân tích tính tất yếu khách quan của CNH, HĐH ở Việt Nam.

- Một là, lí luận và thực tiễn cho thấy, CNH là quy luật phổ biến của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội mà mọi quốc gia đều trải qua dù ở các quốc gia phát triển sớm hay các quốc gia đi sau.
 - + CNH là quá trình tạo động lực mạnh mẽ cho nền kinh tế, là động lực quan trọng tạo sự phát triển đột biến trong các lĩnh vực hoạt động của con người.
 - + Thông qua CNH, các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân được trang bị những tư liệu sản xuất, kĩ thuật – công nghệ ngày càng hiện đại, từ đó nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của con người.
- Hai là, đối với các nước có nền kinh tế kém phát triển quá độ lên CNXH như nước ta, xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội phải thực hiện từ đầu thông qua CNH, HĐH.
 - + Mỗi bước tiến của quá trình CNH, HĐH là 1 bước tăng cường cơ sở vật chất – kĩ thuật cho CNXH, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, trên cơ sở đó từng bước tăng dần trình độ văn minh xã hội.
 - + CNH, HĐH để phát triển lực lượng sản xuất, nhằm khai thác, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao dần tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Đồng thời, thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các ngành, các vùng trong nước và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế ngày càng hiệu quả.
 - + Quá trình thực hiện CNH, HĐH làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.
 - + CNH, HĐH được thực hiện góp phần tăng tiềm lực an ninh quốc phòng, nâng cao sức mạnh an ninh, quốc phòng, tạo điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng nền văn hóa mới và con người mới XHCN

❖ Liên hệ:

1. Trách nhiệm của sinh viên trong xây dựng CNH, HĐH?

- tích cực học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, bồi đắp tư tưởng cách mạng trong sáng.
- Luôn học tập tốt để nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật và tay nghề.
- tích cực tham gia vào việc xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và môi trường sinh thái trong lành, sạch đẹp
- Cần phải xung kích đi đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.
- Chủ động tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế; tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tham gia vào công tác ngoại giao nhân dân để nâng tầm ảnh hưởng của Việt Nam trên trường quốc tế; chủ động và tham gia có hiệu quả vào giải quyết các vấn đề toàn cầu như: giữ gìn hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chống khủng bố, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi các dịch bệnh hiểm nghèo...

2. Giải pháp phát triển CNH, HĐH?

- Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế phát triển
- Đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực
- Đẩy mạnh đổi mới và phát triển khoa học công nghệ
- Đẩy mạnh công tác huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả
- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại
- Giữ vững ổn định chính trị hoàn thiện hệ thống pháp luật
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển nông nghiệp và nông thôn
- Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn và an toàn, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy mô lớn,...